TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 -GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2025/HS-ST Ngày: 15 - 7 - 2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hồng Thuỷ.

Ông Nguyễn Hữu Tố.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tín – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Đức T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2000 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Khu phố B, phường B, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Lê Thị L, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 22/5/2020, bị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"*, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự, chấp hành án xong ngày 15/4/2024, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/02/2025, bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Bản án số 11//2025/HSST); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2024 trong vụ án khác, đang chấp hành án tại Trại giam A – Bộ C, có mặt tại phiên tòa.

2- Bùi Quốc V, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2005 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Khu phố T, phường B, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1, sinh năm 1977 và bà Trương Thị Kim L1, sinh năm 1982; tiền

án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1- Chị Huỳnh Đoàn Thị Kim O, sinh ngày 02/7/2001 (vắng không rõ lý do).

Trú tại: Khu phố H, phường T, tỉnh Gia Lai.

2- Chị Phạm Thị Bích T2, sinh ngày 24/02/2001 (vắng không rõ lý do)

Trú tại: Thôn T, xã Đ, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1- Chị Đặng Thị Thùy T3, sinh ngày 15/12/2003 (vắng không rõ lý do).

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Trú tại: Khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai.

2- Bà Lê Thị L, sinh năm 1960 (có mặt).

Trú tại: Khu phố B, phường B, tỉnh Gia Lai.

3- Chị Trương Thị Kim L1, sinh năm 1982 (vắng không rõ lý do)

Trú tại: Khu phố T, phường B, tỉnh Gia Lai.

4- Anh Lê Thành K, sinh ngày 02/03/2002 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: Khu phố T, phường B, tỉnh Gia Lai.

5- Anh Đặng Thanh H, sinh năm 1993 (vắng không rõ lý do)

Trú tại: C Q, khu phố B, phường B, tỉnh Gia Lai.

- *Người làm chứng:*

Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1982 (vắng không rõ lý do)

Trú tại: Thôn T, xã Đ, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T và Bùi Quốc V là bạn bè quen biết nhau từ trước. Đầu tháng 8/2024, T rủ V đi cướp giật điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài thì V đồng ý. Thủ đoạn thực hiện là T điều khiển xe mô tô biển số 77C1-586.37 của mẹ

ruột là bà Lê Thị L chở V di chuyển trên các tuyến đường, khi phát hiện có người đi đường cầm điện thoại thì T điều khiển xe áp sát để V ngồi sau giật lấy rồi nhanh chóng tẩu thoát, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ 05/8/2024, T điều khiển xe mô tô chở V theo hướng Bắc – Nam đến đoạn đường Q thuộc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (cũ). T phát hiện phía trước có bà Lê Thị Kim N đang điều khiển xe mô tô chở theo Phạm Thị Bích T2 và Phan Thị Như Q, trên tay T2 đang cầm 01 điện thoại nên T nói cho V biết. T điều khiển xe mô tô vượt lên áp sát xe mô tô của bà N, V ngồi phía sau dùng tay phải giật lấy điện thoại iPhone 14 Promax trên tay của T2 rồi tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, cả hai đem cất giấu tại khu vực nghĩa địa phường B. Sáng ngày 06/8/2024, V một mình đến nghĩa địa lấy điện thoại về nhà, nhắn tin cho chủ tiệm điện thoại Z là anh Đặng Thanh H để bán. Sau đó, V nhờ Lê Thành K đem đến cho H. Sau khi kiểm tra, H đồng ý mua điện thoại này với giá 7.800.000 đồng, trừ 500.000 đồng Vệ nợ trước đó, còn lại 7.300.000 đồng thì H chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng M của bạn gái V là Đặng Thị Thùy T3. Đến chiều ngày 06/8/2024, V nói với T bán điện thoại được hơn 3.000.000 đồng và chia cho T 500.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTTHS ngày 05/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện P: Điện thoại Iphone 14 Promax của Phạm Thị Bích T2 có giá trị 17.934.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 07/8/2024, T điều khiển xe mô tô chở V đến đoạn đường Q thuộc thôn G, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định (cũ). Thấy chị H1 Đoàn Thị Kim O ngồi trên xe mô tô ở lề đường phía Đông Quốc lộ A, đang cầm điện thoại nhắn tin. Lúc này, T điều khiển xe chở V đi một đoạn rồi quay lại, áp sát chị O, V ngồi phía sau đưa tay phải giật lấy điện thoại Vivo Y22s trên tay của chị O rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, V đưa cho T sử dụng. Đến ngày 08/8/2024, Bùi Quốc V đến Công an thị xã H đầu thú.

Theo Kết luận định giá tài sản số 78/HĐĐGTS ngày 14/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã H: Điện thoại Vivo Y22s của chị H1 Đoàn Thị Kim O có giá trị 1.100.000 đồng.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ, sau đó trả lại 02 điện thoại di động bị chiếm đoạt cho các bị hại, hiện còn tạm giữ 01 điện thoại di động của Bùi Quốc V (đặc điểm như biên bản tạm giữ có tại hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Phạm Thị Bích T2, Huỳnh Đoàn Thị Kim O đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Bùi Quốc V cùng gia đình đã khắc phục số tiền 7.800.000 đồng cho anh Đặng Thanh H.

Bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSHN ngày 20 tháng 01 năm 2025, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai) đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội *"Cướp giật tài sản"* theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Bùi Quốc V về tội *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức T và Bùi Quốc V khai nhận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Đức T đã khởi xướng, rủ rê Bùi Quốc V đi cướp giật tài sản thì V đồng ý tham gia. Trong các ngày 05/8/2024 và 07/8/2024 trên địa bàn huyện P và thị xã H, tỉnh Bình Định (cũ), Nguyễn Đức T sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm chở Bùi Quốc V ngồi sau thực hiện 02 vụ cướp giật điện thoại di động trị giá 19.034.000 đồng. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T và Bùi Quốc V phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

Áp dụng các điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 05 năm đến 06 năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 11/2025/HSST ngày 10/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Quốc V 03 năm đến 04 năm tù.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc

khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng*: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Đức T đã khởi xướng, rủ rê Bùi Quốc V đi cướp giật tài sản thì V đồng ý tham gia. Trong các ngày 05/8/2024 và 07/8/2024 trên địa bàn huyện P và thị xã H, tỉnh Bình Định (cũ), Nguyễn Đức T sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm chở Bùi Quốc V ngồi sau thực hiện 02 vụ cướp giật điện thoại di động trị giá 19.034.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Đức T đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do lỗi cố ý. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Bùi Quốc V về tội *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 171của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo*: Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc của khung hình phạt mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung .

[4] *Xét vai trò các bị cáo trong vụ án:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc cấu kết chặt chẽ, bị cáo Nguyễn Đức T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Bùi Quốc V thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người điều khiển xe mô tô chở V đi tìm người sơ hở trong việc quản lý tài sản, khi phát hiện đối tượng bị cáo ép xe cho V giật tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát nên bị cáo có vai trò vừa là người khởi xướng và là người thực hành. Bị cáo Bùi Quốc V khi được bị cáo T rủ đi cướp giật tài sản thì bị cáo đồng ý; bị cáo ngồi sau xe T và là người trực tiếp giật tài sản của bị hại nên bị cáo là người thực hành.

[5] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

- *Về nhân thân:* Bị cáo Nguyễn Đức T có 01 tiền án về tội *"Trộm cắp tài sản"* và ngày 10/02/2025, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* nên bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo Bùi Quốc V chưa có tiền án, tiền sự nên có nhân thân tốt.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Quốc V đã khắc phục hậu quả số tiền 7.800.000 đồng cho anh Đặng Thanh H, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; sau khi phạm tội bị cáo V đã ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] *Về quyết định hình phạt*: Bị cáo Nguyễn Đức T là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hành; bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo V là người thực hành, bị cáo có có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, phải xử phạt bị cáo T mức án cao hơn bị cáo V và phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

[7] *Về tổng hợp bản án:* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HSST ngày 10/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bản án trên trên đã có hiệu lực pháp luật, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với lần phạm tội này, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt cho cả hai bản án. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 09/10/2024.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về xử lý vật chứng*: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu trắng, số máy ML7K2CH/A, số seri C76QT8ELGRYF, số IMEI 353345077492629 (đã niêm phong), đây là phương tiện bị cáo Bùi Quốc V sử dụng liên lạc với Nguyễn Đức T để đi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã H và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, nay là Cơ quan điều tra Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Gia Lai).

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai tại phiên toà về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] *Các vấn đề khác*: Bà Lê Thị L là chủ xe mô tô 77C1-586.37 nhưng không biết các bị cáo sử dụng để làm phương tiện thực hiện tội phạm; anh Đặng Thanh H là người mua điện thoại, Lê Thành K là người đi giao điện thoại cho anh Đặng Thanh H theo yêu cầu của Bùi Quốc V, chị Đặng Thị Thùy T3 nhận chuyển khoản số tiền 7.300.000 đồng nhưng không biết tài sản là do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] *Về án phí*: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Quốc V;

Căn cứ Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T và Bùi Quốc V phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 05 (năm) năm tù về tội "*Cướp giật tài sản*"; tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HSST ngày 10/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/10/2024

đối với Bản án số 11/2025/HSST ngày 10/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2.2. Xử phạt bị cáo Bùi Quốc V 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/8/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu trắng, số máy ML7K2CH/A, số seri C76QT8ELGRYF, số IMEI 353345077492629 (đã niêm phong).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã H và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, nay là Cơ quan điều tra Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Gia Lai).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Đức T và Bùi Quốc V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 6;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Long Nhiên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 27 tháng 5 năm 2022;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phương Q1

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân T4.

Bà Trần Thị Thu T5.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với:

Lê Hữu P, sinh năm 2003; nơi cư trú: Khu phố V, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Cùng đồng phạm.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ điểm g, i khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đới Duy T6;

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Hữu P;

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s, n khoản 1Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Phi N1;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đới Duy T6, Lê Hữu P, Lê Thị Phi N1 phạm tội "Cướp giật tài sản".

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đới Duy T6 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021 là ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu P 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021 là ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Phi N1 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam trước đây từ ngày 02/12/2021 đến ngày 20/4/2022.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại xong, bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu 04 thẻ cào V1 mệnh giá 20.000 đồng đã sử dụng có các số seri 10007557313998; 10007557313305; 10007557313308; 10007558803837 lưu tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Các bị cáo Đới Duy T6, Lê Hữu P, Lê Thị Phi N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngay nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 5 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Xuân Thành	**Trần Thị Thu Thanh**	**Võ Phương Quang**